



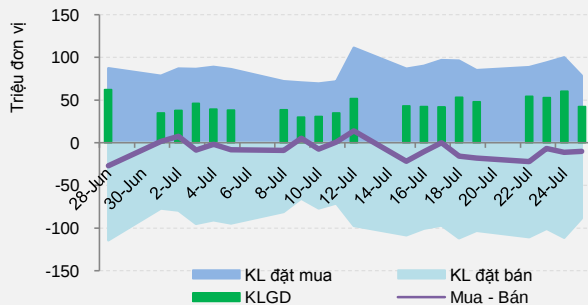
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 25/7/2013

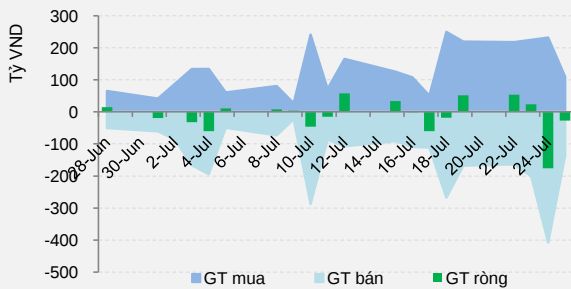
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	491.8	61.5
% Thay đổi	↓ -0.5%	↓ -1.1%
KLGD (CP)	42,245,350	19,598,170
GTGD (tỷ đồng)	997.16	138.09
Tổng cung (CP)	88,575,770	42,007,000
Tổng cầu (CP)	78,638,820	38,320,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,073,440	2,573,100
KL mua (CP)	2,349,070	883,500
GTmua (tỷ đồng)	109.94	6.39
GT bán (tỷ đồng)	137.20	21.21
GT ròng (tỷ đồng)	(27.26)	(14.82)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.25%	7.1	1.5	0.7%
Công nghiệp	↓ -1.67%	24.2	1.0	10.8%
Dầu khí	↓ -1.64%	5.7	1.2	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.95%	10.0	1.8	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.75%	8.7	2.8	1.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.11%	15.0	5.1	18.2%
Ngân hàng	↓ -0.59%	7.1	1.3	5.4%
Nguyên vật liệu	↓ -0.96%	8.6	2.0	9.6%
Tài chính	↓ -1.13%	27.2	2.9	41.9%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.35%	9.6	3.4	7.6%
VN - Index	↓ -0.49%	14.0	3.1	88.0%
HNX - Index	↓ -1.08%	23.3	1.5	12.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	746,820	1.8%	206,390	0.5%
GTGD (tỷ VND)	10,535	1.1%	4,975	0.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số Vn-Index tiếp tục giảm điểm và xuống sát mức hỗ trợ tâm lý 490 điểm. Áp lực giảm giá đã giảm trong phiên hôm nay, tuy nhiên lực cầu vẫn tỏ ra chưa đủ mạnh. Chỉ số HNX-Index đã phá vỡ xu thế đi ngang và phá bỏ các ngưỡng hỗ trợ về dài hạn. Xu thế giảm điểm trong ngắn hạn của HNX-Index đã trở nên rõ ràng hơn với hai phiên giảm giá khá mạnh qua ngưỡng hỗ trợ.

Chỉ số VN-Index dự báo tiếp tục dao động trong kênh 490 - 500 điểm, khi đây là vùng đan xen của các đường hỗ trợ ngắn và trung hạn. Chỉ số HNX-Index dự báo tiếp tục xu hướng giảm, với mức hỗ trợ gần nhất là khoảng 60-61 điểm. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu xuống mức thấp để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

- VN-Index tiếp tục giảm 2.4 điểm (-0.49%) trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa ở mức 491.78 điểm, sát mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên. KLGD giảm khá so với phiên trước.

- HNX-Index chính thức phá vỡ mức 62 điểm, giảm 0.67 điểm (-1.07%) và đóng cửa ở mức 61.52 điểm. Đây cũng là mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên hôm nay.

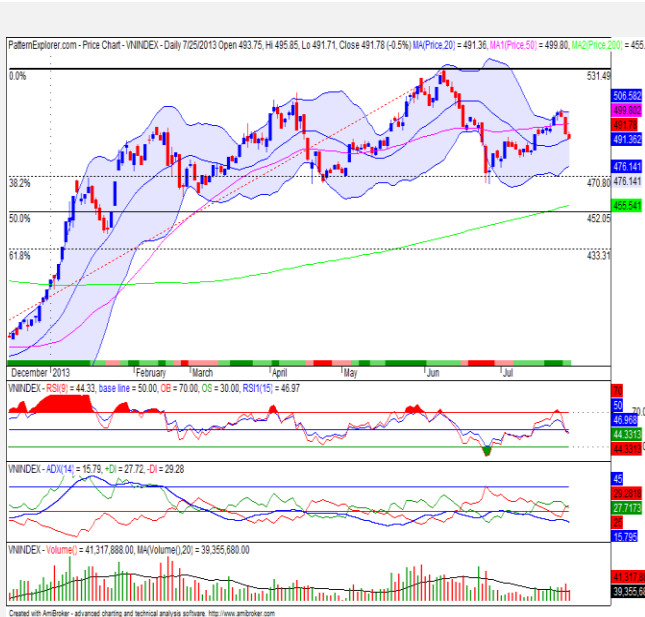
- Sau Sacombank, nhiều Ngân hàng cũng đang xin NHNN cho phép tăng chỉ tiêu tín dụng. Danh sách ngân hàng xin tăng chỉ tiêu tín dụng chủ yếu là các NHTMCP nhỏ, khi khối Ngân hàng này có xu hướng đẩy mạnh tín dụng tiêu dùng. Tăng trưởng tín dụng tại các ngân hàng lớn phần lớn vẫn ở mức rất thấp, tăng trưởng tín dụng của Vietcombank thậm chí vẫn mức âm so với đầu năm. Diễn biến này cho thấy tốc độ cải thiện dòng vốn đi vào doanh nghiệp phục vụ sản xuất còn rất chậm chạp, dù tỷ lệ cấp tín dụng trên tổng vốn huy động toàn hệ thống Ngân hàng đang cải thiện nhẹ so với điểm thấp nhất (86.22%) trong tháng 3.

- Ngày mai, 26/7, VAMC sẽ chính thức đi vào hoạt động khi bộ máy nhân sự đã được chuẩn bị xong. Theo đó, các tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu trên 3% sẽ được yêu cầu bán nợ xấu cho VAMC. NHNN dự kiến công ty này sẽ xử lý được khoảng 80 - 100 nghìn tỷ đồng nợ xấu với tỷ lệ thu hồi dự kiến là 20% - 40%. Thông tin rõ ràng hơn về thực tế khoản nợ Ngân hàng sẽ bán cho VAMC là vấn đề nhà đầu tư quan tâm, nhằm đánh giá hiệu quả của tổ chức này. VAMC được nhà đầu tư kỳ vọng là một giải pháp quan trọng tạo thanh khoản cho hệ thống Ngân hàng, giúp khơi thông dòng tín dụng cũng như giảm bớt khó khăn trong việc tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp có nợ xấu.

- Theo Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX), tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản ROA trung bình của 30 cổ phiếu trong VN30 đạt 7.47% trong khi ROA trung bình của thị trường là 5.22%. Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE của các doanh nghiệp thuộc VN30 là 15.99%, trong khi con số này trung bình của toàn thị trường là -3.72%. Số liệu này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh vượt trội của nhóm cổ phiếu lớn, trong bối cảnh nền kinh tế còn khó khăn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tiếp tục giảm 2.4 điểm (-0.49%) trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa ở mức 491.78 điểm. Mức đóng cửa phiên hôm nay gần bằng mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên.

- KLGD giảm trở lại dưới 50 triệu cổ phiếu do tâm lý lo ngại về xu thế thị trường

- Chỉ báo RSI của chỉ số VN-Index giảm xuống dưới 50 điểm cho thấy thị trường đang nghiêng về bi quan

Nhận định: Chỉ số Vn-Index tiếp tục giảm điểm và xuống sát mức hỗ trợ tâm lý 490 điểm. Áp lực giảm giá đã giảm dần trong phiên hôm nay tuy nhiên lực cầu vẫn tỏ ra chưa đủ mạnh. Tuy nhiên nhiều khả năng thị trường sẽ không tiếp tục giảm mạnh mà chuyển sang biến động trong vùng 490 - 500 điểm do đây là vùng đan xen của các đường hỗ trợ ngắn và trung hạn. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index đã chính thức phá vỡ mức 62 điểm, giảm 0.67 điểm (-1.07%) và đóng cửa ở mức 61.52 điểm. Đây cũng là mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên hôm nay.

- KLGD cũng giảm so với phiên trước do nhà đầu tư có xu hướng thu hẹp lượng mua

- Với phiên giảm điểm hôm nay chỉ số RSI thị trường đã giảm về dưới vùng 40 điểm, tâm lý thị trường nghiêng về hướng bi quan.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đã phá vỡ xu thế đi ngang và phá bỏ các ngưỡng hỗ trợ về dài hạn, xu thế giảm điểm trong ngắn hạn đã trở nên rõ ràng hơn. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu trên sàn này để tránh các rủi ro ngắn hạn trong trường hợp thị trường tiếp tục diễn biến xấu.

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 các mã cổ phiếu có KLGD bình quân >50.000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính như sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KMR	6.8	729.3%	2.03	88.0%	16.4%	12,998	110	23.74	0.2	0.64	0.91
2	KLS	26.47	329.6%	77.45	55.0%	N/A	12,626	244	33.99	0.66	1.85	1.95
3	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.1%	53.4%	11,343	988	5.97	0.52	2	8.59
4	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.9%	15.9%	10,738	448	37.47	1.56	3.62	4.42
5	SHS	5.45	157.7%	14.15	-54.4%	34.8%	7,882	139	43.11	0.76	0.94	1.82
6	VPH	0.76	136.0%	1.21	175.0%	3.0%	16,124	320	16.88	0.33	0.49	1.68
7	VND	69.88	135.6%	97.16	61.7%	128.3%	12,005	1,160	7.67	0.74	6.74	10.21
8	KSD	-1.64	88.0%	-2.45	92.6%	-81.7%	6,388	(870)	-1.61	0.22	-9.65	-12.9
9	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.5%	75.1%	14,653	3,415	5.51	1.28	11.07	24.2
10	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.82	1.92	15.92	31.18

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	FCM	9.84	N/A	21.6	1320.34%	22.5%	10,947	892	13.5	1.10	4.85	11.11
2	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.91%	15.9%	10,738	448	37.5	1.56	3.62	4.42
3	VPH	0.76	136.0%	1.21	175.00%	3.0%	16,124	320	16.9	0.33	0.49	1.68
4	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.14%	53.4%	11,343	988	6.0	0.52	2.00	8.59
5	KSD	(1.64)	88.0%	-2.45	92.61%	-81.7%	6,388	(870)	-1.6	0.22	(9.65)	(12.90)
6	KMR	6.80	729.3%	2.03	87.96%	16.4%	12,998	110	23.7	0.20	0.64	0.91
7	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.51%	75.1%	14,653	3,415	5.5	1.28	11.07	24.20
8	VND	69.88	135.6%	97.16	61.74%	128.3%	12,005	1,160	7.7	0.74	6.74	10.21
9	KLS	26.47	329.6%	77.45	54.96%	N/A	12,626	244	34.0	0.66	1.85	1.95
10	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.08%	81.7%	19,037	4,668	7.8	1.92	15.92	31.18

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	BTP	23.28	-66.0%	70.4	25.11%	130.9%	15,898	2,333	6.5	0.96	6.80	14.42
2	VND	69.88	135.6%	97.16	61.74%	128.3%	12,005	1,160	7.7	0.74	6.74	10.21
3	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.74%	110.3%	24,424	(1,605)	-17.8	1.17	(2.96)	(6.77)
4	BVS	21.73	-60.6%	56.34	-14.06%	96.9%	16,363	948	11.1	0.64	4.45	5.97
5	PSI	-1.42	-135.2%	1.84	-56.40%	91.5%	9,920	(26)	-250.0	0.66	(0.15)	(0.26)
6	HBS	0.07	0.0%	0.13	8.33%	86.7%	11,173	7	624.1	0.38	0.06	0.06
7	VIS	4.54	-59.7%	25.74	24.95%	84.9%	13,892	(257)	-44.0	0.81	(0.47)	(1.87)
8	LAS	120.32	-8.1%	269.01	3.43%	82.5%	15,827	5,137	7.2	2.33	16.02	32.80
9	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.08%	81.7%	19,037	4,668	7.8	1.92	15.92	31.18
10	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.51%	75.1%	14,653	3,415	5.5	1.28	11.07	24.20

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

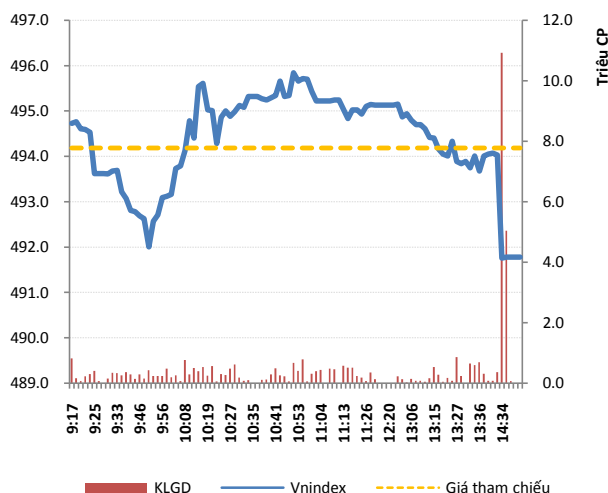
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 25/07/2013.

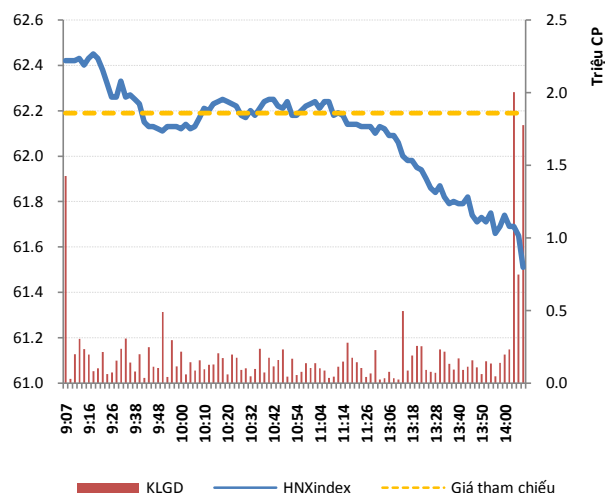


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

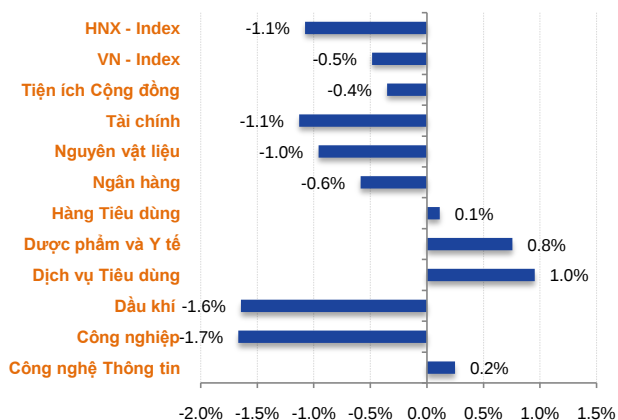
KLGD và VN-Index trong phiên



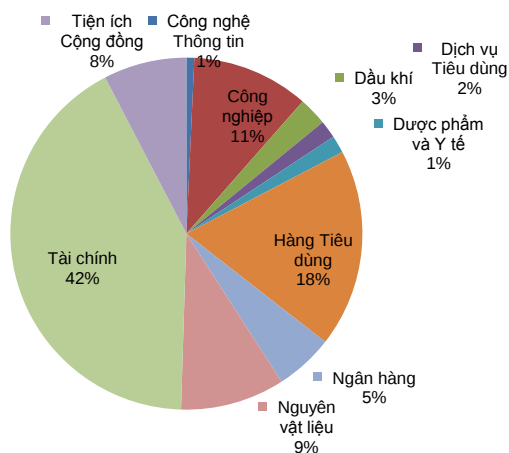
KLGD và HNX-Index trong phiên



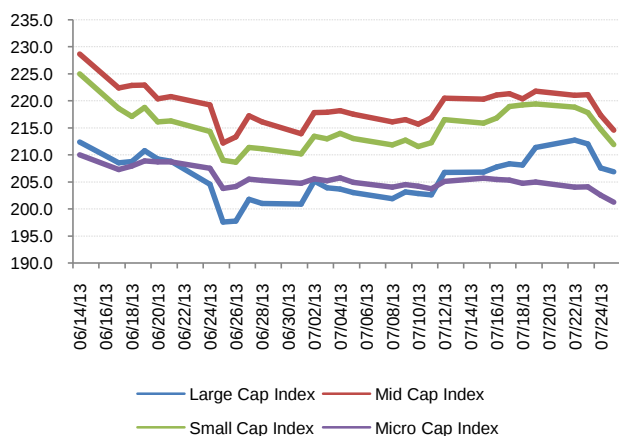
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



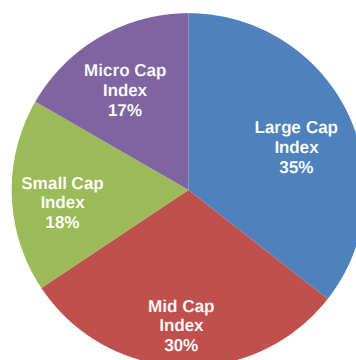
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VSH	170,000	EIB	400,960
2	HPG	90,000	DRC	278,800
3	LCM	85,000	HAG	204,670
4	DPM	82,640	MSN	120,910
5	VFMVF1	75,850	OGC	100,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STL	422,000	SHB	1,217,700
2	APS	75,000	PVX	299,900
3	TNG	30,000	KLS	151,000
4	SDT	20,000	VND	104,500
5	API	19,500	PVG	65,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIC	63.5	64.0	↑ 0.79%	4,287,660
HAG	21.2	20.6	↓ -2.83%	1,769,590
HQC	5.9	5.9	→ 0.00%	1,680,800
PVT	5.8	5.7	↓ -1.72%	1,546,970
HAR	16.8	15.7	↓ -6.55%	1,495,010

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.6	6.5	↓ -1.52%	5,021,307
FLC	5.2	5.3	↑ 1.92%	2,241,700
PVX	4.6	4.5	↓ -2.17%	1,649,930
SCR	6.8	6.7	↓ -1.47%	1,209,800
KLS	8.3	8.2	↓ -1.20%	682,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVE	20.0	21.4	1.4	↑ 7.00%
TLG	33.0	35.3	2.3	↑ 6.97%
DCL	17.4	18.6	1.2	↑ 6.90%
RAL	39.8	42.5	2.7	↑ 6.78%
MPC	22.5	23.9	1.4	↑ 6.22%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SKS	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
SLS	25.7	28.1	2.4	↑ 9.34%
LDP	33.5	36.6	3.1	↑ 9.25%
HDA	6.5	7.1	0.6	↑ 9.23%
SD1	2.2	2.4	0.2	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	18.6	17.3	-1.3	↓ -6.99%
VNI	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
SPM	27.3	25.4	-1.9	↓ -6.96%
ELC	24.5	22.8	-1.7	↓ -6.94%
SSC	42.9	40.0	-2.9	↓ -6.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
SHN	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
TAG	45.0	40.5	-4.5	↓ -10.00%
VNN	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%
GMX	14.4	13.0	-1.4	↓ -9.72%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	4,287,660	11.0%	1,210	52.9	5.5
HAG	1,769,590	3.6%	604	34.1	1.1
HQC	1,680,800	2.7%	283	20.8	0.6
PVT	1,546,970	4.2%	461	12.4	0.5
HAR	1,495,010	4.4%	448	35.0	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	5,021,307	-2.3%	(266)	-	0.6
FLC	2,241,700	3.2%	565	9.4	0.3
PVX	1,649,930	-34.5%	(2,816)	-	0.8
SCR	1,209,800	-0.3%	(41)	-	0.4
KLS	682,100	1.9%	244	33.6	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EVE	↑ 7.0%	11.7%	2,999	7.1	0.8
TLG	↑ 7.0%	18.0%	4,647	7.6	1.3
DCL	↑ 6.9%	9.4%	2,317	8.0	0.7
RAL	↑ 6.8%	17.0%	7,206	5.9	1.0
MPC	↑ 6.2%	3.0%	647	37.0	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SKS	↑ 10.0%	11.5%	1,686	4.6	0.5
SLS	↑ 9.3%	29.9%	7,244	3.9	1.1
LDP	↑ 9.3%	28.4%	6,034	6.1	1.8
HDA	↑ 9.2%	22.2%	2,866	2.5	0.5
SD1	↑ 9.1%	-25.5%	(3,196)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VSH	170,000	8.2%	999	13.5	1.1
HPG	90,000	14.9%	3,005	10.1	1.4
LCM	85,000	10.9%	1,325	6.3	0.8
DPM	82,640	30.8%	7,410	5.4	1.5
VFMVF1	75,850	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STL	422,000	-149.9%	(8,379)	-	(5.1)
APS	75,000	0.5%	44	82.2	0.4
TNG	30,000	11.8%	1,879	5.3	0.6
SDT	20,000	17.6%	4,840	3.0	0.5
API	19,500	-37.3%	(4,505)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	119,385	42.1%	6,141	10.3	3.8
VNM	119,194	40.4%	7,294	19.6	7.1
VCB	63,729	10.1%	1,804	15.2	1.5
CTG	63,690	17.2%	2,626	7.4	1.5
MSN	63,463	6.5%	1,467	61.3	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,560	3.1%	432	36.6	1.1
SQC	8,602	5.9%	726	107.8	6.3
PVS	7,281	18.6%	3,133	5.2	1.0
SHB	5,760	-2.3%	(266)	-	0.6
VCG	4,815	2.3%	267	40.8	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	2.67	35.0%	4,489	5.2	1.5
ITA	2.67	0.2%	30	204.3	0.5
VHG	2.64	-10.9%	(1,590)	-	0.5
OGC	2.62	0.6%	69	141.9	0.9
SGT	2.59	-41.1%	(3,039)	-	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.33	2.3%	267	40.8	0.9
PVA	3.24	-75.1%	(6,080)	-	0.8
PVL	3.03	-4.9%	(526)	-	0.3
PVX	2.71	-34.5%	(2,816)	-	0.8
SCR	2.69	-0.3%	(41)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)